

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ĐỘC LẬP - TỰ DO - HẠNH PHÚC

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

QUÝ I NĂM 2015

ĐƠN VỊ: CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN Á CHÂU

BAO GỒM: * *BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN*
* *BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH*
* *BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ*
* *THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH*

Nam Cẩm, ngày 16 tháng 04 năm 2015

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN Á CHÂU

Địa chỉ: Lô 32C KCN Nam Cẩm, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2015

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý I năm 2015

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2015

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối quý	
			Số cuối quý	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		38,828,993,555	36,621,047,827
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	8,795,195,407	7,146,535,931
1. Tiền	111		8,795,195,407	7,146,535,931
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		17,556,458,477	14,174,348,696
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	16,883,492,027	13,936,921,621
2. Trả trước cho người bán	132	V.3	-	10,175,000
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4	672,966,450	227,252,075
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		9,659,206,327	12,668,681,333
1. Hàng tồn kho	141	V.5	9,659,206,327	12,668,681,333
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		2,818,133,344	2,631,481,867
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.6	857,314,399	329,154,170
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		1,960,692,652	2,302,327,697
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.7	126,293	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN Á CHÂU

Địa chỉ: Lô 32C KCN Nam Cẩm, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2015

Bảng cân đối kế toán tổng hợp (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối quý	Số đầu năm
B- TÀI SẢN DÀI HẠN	200		40,938,511,879	41,782,748,177
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
5. Phải thu dài hạn khác	215		-	-
6. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		36,061,717,356	36,815,002,061
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	35,358,833,481	36,098,336,150
<i>Nguyên giá</i>	222		57,646,313,837	57,270,586,564
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(22,287,480,356)	(21,172,250,414)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.9	702,883,875	716,665,911
<i>Nguyên giá</i>	228		1,134,381,101	1,134,381,101
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(431,497,226)	(417,715,190)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
<i>Nguyên giá</i>	231		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	V.10	3,938,706,727	3,938,706,727
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		3,938,706,727	3,938,706,727
V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư khác vào công cụ vốn	253		-	-
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		938,087,796	1,029,039,389
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.11	938,087,796	1,029,039,389
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		79,767,505,434	78,403,796,004

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN Á CHÂU

Địa chỉ: Lô 32C KCN Nam Cẩm, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2015

Bảng cân đối kế toán tổng hợp (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối quý	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		33,200,442,256	32,611,485,069
I. Nợ ngắn hạn	310		29,475,839,256	28,942,256,069
1. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	311	V.12	11,271,811,000	11,082,140,080
2. Phải trả người bán ngắn hạn	312	V.13	13,650,038,448	13,066,006,877
3. Người mua trả tiền trước	313	V.14	1,458,306,320	42,500,000
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.15	199,042,292	176,204,416
5. Phải trả người lao động	315		1,820,245,522	3,896,326,121
6. Chi phí phải trả ngắn hạn	316	V.16	1,045,083,248	285,762,484
7. Phải trả nội bộ ngắn hạn	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
10. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	320	V.17	31,312,426	4,962,381
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.18	-	388,353,710
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		3,724,603,000	3,669,229,000
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Chi phí phải trả dài hạn	332		-	-
6. Phải trả dài hạn khác	336		-	-
7. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	337	V.19	3,724,603,000	3,669,229,000
9. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	339		-	-
10. Dự phòng phải trả dài hạn	340		-	-
11. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	341		-	-
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		46,567,063,178	45,792,310,935
I. Vốn chủ sở hữu	410		46,567,063,178	45,792,310,935
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.20	28,500,000,000	28,500,000,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	V.21	7,776,519,735	7,776,519,735
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.22	10,290,543,443	9,515,791,200
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		8,715,791,200	-
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		1,574,752,243	9,515,791,200
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		79,767,505,434	78,403,796,004

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN Á CHÂU

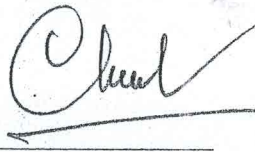
Địa chỉ: Lô 32C KCN Nam Cẩm, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An
BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I

Người lập biểu



Lưu Thị Thu

Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Chương

Lập ngày 14 tháng 04 năm 2015

Giám đốc



Hoàng Trọng Diên



CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN Á CHÂU

Địa chỉ: Lô 32C KCN Nam Cẩm, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I

Kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2015

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý I năm 2015

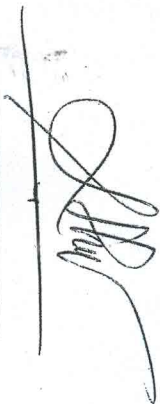
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý I		Lấy kể từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	33,264,862,168	25,148,766,158	33,264,862,168	25,148,766,158
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		525,388,720	1,087,320,908	525,388,720	1,087,320,908
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		32,739,473,448	24,061,445,250	32,739,473,448	24,061,445,250
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	18,283,833,701	12,252,312,526	18,283,833,701	12,252,312,526
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		14,455,639,747	11,809,132,724	14,455,639,747	11,809,132,724
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	24,989,010	150,802,899	24,989,010	150,802,899
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	377,267,151	84,097,424	377,267,151	84,097,424
Trong đó: chi phí lãi vay	23		151,443,771	70,086,851	151,443,771	70,086,851
9. Chi phí bán hàng	25	VI.5	11,103,770,452	9,052,976,259	11,103,770,452	9,052,976,259
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	1,335,440,494	1,263,431,431	1,335,440,494	1,263,431,431
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		1,664,150,660	1,559,430,509	1,664,150,660	1,559,430,509
12. Thu nhập khác	31	VI.7	0	6,960,466	0	6,960,466
13. Chi phí khác	32	VI.8	4,500,455	4,831,000	4,500,455	4,831,000
14. Lợi nhuận khác	40		(4,500,455)	2,129,466	(4,500,455)	2,129,466
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		1,659,650,205	1,561,559,975	1,659,650,205	1,561,559,975
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.16	84,897,962	79,615,343	84,897,962	79,615,343



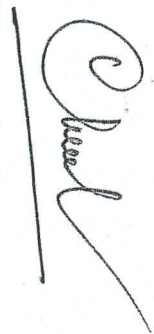
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52			
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	1,574,752,243	1,481,944,632	1,481,944,632
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	V1.9	553	520
20. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	V1.9		

Người lập biểu



Lưu Thị Thu

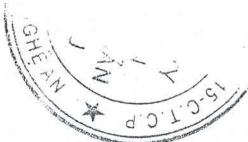
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Chương



Hoàng Trọng Diên



CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN Á CHÂU

Địa chỉ: Lô 32C KCN Nam Cẩm, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I

Kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2015

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Quý I năm 2015

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	
		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
		Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	33,846,254,658	28,437,376,831
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(22,871,468,954)	(15,772,855,360)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(6,769,657,908)	(4,791,585,334)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	(154,735,310)	(103,285,122)
5. Tiền chi nộp thuế Thu nhập doanh nghiệp	05	(88,567,741)	(109,090,595)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	421,935,565	238,985,802
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(2,439,307,505)	(2,688,131,676)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động SX - KD</i>	20	1,944,452,805	5,211,414,546
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21	(410,000,000)	(5,755,295,000)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và TS dài hạn khác	22		
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23	-	(13,610,683,626)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	6,500,000,000
5. Tiền chi cho đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	4,731,885	117,286,605
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	30	(405,268,115)	(12,748,692,021)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại CP của DN đã phát hành	32		-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	11,272,990,000	6,569,790,700
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(11,165,118,238)	(263,913,000)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	30	107,871,762	6,305,877,700

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN Á CHÂU

Địa chỉ: Lô 32C KCN Nam Cẩm, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I

Kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2015

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

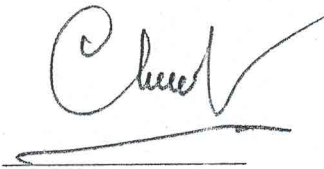
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		1,647,056,452	(1,231,399,775)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	7,146,535,931	7,843,834,559
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		1,603,024	
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.1	<u>8,795,195,407</u>	<u>6,612,434,784</u>

Người lập biểu

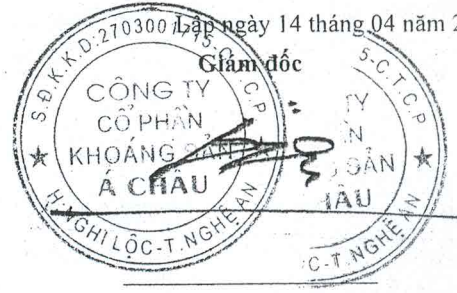


Lưu Thị Thu

Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Chương



Hoàng Trọng Diên

Lập ngày 14 tháng 04 năm 2015

Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN Á CHÂU

Địa chỉ: Lô 32C Khu Công nghiệp Nam Cẩm, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I

Cho kỳ báo cáo kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2015

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH Quý I năm 2015

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. **Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần
2. **Lĩnh vực kinh doanh** : Sản xuất
3. **Ngành nghề kinh doanh** :
 - Khảo sát, thăm dò, khai thác, chế biến khoáng sản (đá, cát, sỏi, quặng kim loại);
 - Sản xuất, mua bán sản phẩm bột đá trắng siêu mịn.
4. **Nhân viên**
Tại ngày 31 tháng 03 năm 2015 Công ty có 96 nhân viên đang làm việc (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 96 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. **Năm tài chính**
Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
2. **Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. **Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng**
 - Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC về hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính.
 - Thông tư số 202/2014/TT-BTC về hướng dẫn lập Báo cáo tài chính hợp nhất thay thế cho các hướng dẫn liên quan đến lập Báo cáo tài chính hợp nhất tại Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007 của Bộ Tài chính.
2. **Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**
Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC về hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 và Thông tư số 202/2014/TT-BTC về hướng dẫn lập Báo cáo tài chính hợp nhất thay thế cho các hướng dẫn liên quan đến lập Báo cáo tài chính hợp nhất tại Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007 của Bộ Tài chính của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính.

Các quy định của các thông tư này được áp dụng cho việc ghi sổ, lập và trình bày Báo cáo tài chính từ năm 2015 trở đi.
3. **Hình thức kế toán áp dụng**
Công ty sử dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN Á CHÂU

Địa chỉ: Lô 32C Khu Công nghiệp Nam Cẩm, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I

Cho kỳ báo cáo kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận vào giá vốn hàng bán trong năm.

4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN Á CHÂU

Địa chỉ: Lô 32C Khu Công nghiệp Nam Cẩm, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I

Cho kỳ báo cáo kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 – 30
Máy móc và thiết bị	3 – 15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 – 10
Tài sản cố định khác	6

6. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền khai thác mỏ

Quyền khai thác mỏ là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính để có quyền khai thác mỏ đá. Quyền khai thác mỏ được khấu hao trong 20 năm.

Chứng nhận hệ thống quản lý chất lượng (ISO)

Chứng nhận hệ thống quản lý chất lượng là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra để được cấp giấy chứng nhận hệ thống quản lý chất lượng. Chứng nhận hệ thống quản lý chất lượng được khấu hao từ 4 đến 6 năm.

7. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp đến việc xây dựng nhà xưởng và lắp đặt máy móc, thiết bị chưa hoàn thành và chưa lắp đặt xong. Các tài sản đang trong quá trình xây dựng cơ bản dở dang và lắp đặt không được tính khấu hao.

8. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi-phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

9. Chi phí trả trước dài hạn

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

10. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng.

11. Nguồn vốn kinh doanh

Là nguồn vốn đầu tư của chủ sở hữu, được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

12. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

13. Trích lập các quỹ

Mức trích lập các quỹ được thực hiện theo Nghị quyết Đại hội cổ đông hàng năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN Á CHÂU

Địa chỉ: Lô 32C Khu Công nghiệp Nam Cẩm, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I

Cho kỳ báo cáo kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

14. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 10% trên thu nhập chịu thuế trong vòng 15 năm kể từ khi dự án đầu tư bắt đầu hoạt động kinh doanh. Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong bốn (04) năm đầu tiên kể từ khi có thu nhập chịu thuế (từ năm 2008 đến hết năm 2011) và giảm 50% trong chín (09) năm tiếp theo (từ năm 2012 trở đi).

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm là thuế thu nhập hiện hành, là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

15. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được quy đổi theo tỷ giá tại ngày kết thúc năm tài chính.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch của ngân hàng thương mại nơi Công ty có giao dịch phát sinh. Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm là tỷ giá mua vào bình quân của các ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi tại thời điểm ngày: 31/12/2014 : 21.370,00 VND/USD
31/03/2015 : 21.521,67 VND/USD
& 21.590,00 VND/USD

16. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu cũng như quyền quản lý hàng hóa, thành phẩm đó được chuyển giao cho người mua, và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng năm.

17. Tài sản tài chính

Phân loại tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Công ty gồm các nhóm: các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản phải thu.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản phải thu

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN Á CHÂU

Địa chỉ: Lô 32C Khu Công nghiệp Nam Cẩm, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I

Cho kỳ báo cáo kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Các khoản phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

18. Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Công ty gồm các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo giá gốc cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

19. Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

20. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

21. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VII.1.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN Á CHÂU

Địa chỉ: Lô 32C Khu Công nghiệp Nam Cẩm, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I

Cho kỳ báo cáo kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN****1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	3.006.012.133	563.501.655
Tiền gửi ngân hàng	5.789.183.274	6.583.034.276
Cộng	<u>8.795.195.407</u>	<u>7.146.535.931</u>

2. Đầu tư tài chính ngắn hạn**3. Phải thu khách hàng**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu khách hàng trong nước	14.164.003.466	13.936.921.621
Phải thu khách hàng nước ngoài	2.719.488.561	-
Cộng	<u>16.883.492.027</u>	<u>13.936.921.621</u>

4. Trả trước cho người bán

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Trả trước cho nhà cung cấp trong nước	-	10.175.000
Trả trước cho nhà cung cấp nước ngoài	-	-
Cộng	<u>-</u>	<u>10.175.000</u>

5. Các khoản phải thu khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Đội khai thác mỏ đá Châu Quang	31.693.981	32.683.981
Phải thu tiền bảo hiểm	56.644.584	43.801.790
Phải thu khác	584.627.885	150.766.304
Cộng	<u>672.966.450</u>	<u>227.252.075</u>

6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán	-	-
- Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn dưới 1 năm	-	-
- Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm	-	-
- Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm	-	-
- Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên	-	-
Dự phòng nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi	-	-
Cộng	<u>-</u>	<u>-</u>

7. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nguyên liệu, vật liệu	4.424.095.874	6.650.833.271

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN Á CHÂU

Địa chỉ: Lô 32C Khu Công nghiệp Nam Cẩm, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I

Cho kỳ báo cáo kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công cụ, dụng cụ	411.721.978	436.015.365
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	915.554.745	1.106.415.425
Thành phẩm	3.870.434.919	4.419.079.959
Hàng hóa	37.398.811	56.337.313
Cộng	<u>9.659.206.327</u>	<u>12.668.681.333</u>
8. Chi phí trả trước ngắn hạn	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí bảo hiểm	-	2.057.258
Công cụ dụng cụ	118.657.373	111.611.429
Chi phí sửa chữa	50.605.254	102.712.742
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	688.051.772	112.772.741
Cộng	<u>857.314.399</u>	<u>329.154.170</u>
9. Tài sản ngắn hạn khác		

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOẢNG SÀN Á CHÂU

Địa chỉ: Lô 32C Khu Công nghiệp Nam Cẩm, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An

BAO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I

Cho kỳ báo cáo kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

10. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc		Máy móc và thiết bị		Phương tiện vận tải, truyền dẫn		Tài sản cố định khác		Cộng	
	Số đầu năm	Tăng trong kỳ	Số đầu năm	Tăng trong kỳ	Số đầu năm	Tăng trong kỳ	Số đầu năm	Tăng trong kỳ	Số đầu năm	Tăng trong kỳ
Nguyên giá										
Số đầu năm	15.791.821.005	-	38.197.714.027	-	3.238.900.052	-	42.151.480	-	57.270.586.564	-
Tăng trong kỳ	-	-	-	-	375.727.273	-	-	-	375.727.273	-
- Mua sắm mới	-	-	-	-	375.727.273	-	-	-	375.727.273	-
- Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Phân loại lại	-	-	(568.181.818)	-	568.181.818	-	-	-	-	-
Số cuối kỳ	15.791.821.005	-	37.629.532.209	-	4.182.809.143	-	42.151.480	-	57.646.313.837	-
<i>Trong đó:</i>										
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	621.120.453	-	405.636.022	-	667.558.250	-	42.151.480	-	1.736.466.206	-
Giá trị hao mòn										
Số đầu năm	4.815.007.936	-	14.887.236.746	-	1.427.854.252	-	42.151.480	-	21.172.250.414	-
Tăng do khấu hao trong kỳ	263.313.177	-	739.614.858	-	112.301.907	-	-	-	1.115.229.942	-
Phân loại lại	-	-	(339.330.802)	-	339.330.802	-	-	-	-	-
Số cuối kỳ	5.078.321.113	-	15.287.520.801	-	1.879.486.961	-	42.151.480	-	22.287.480.356	-
Giá trị còn lại										
Số đầu năm	10.976.813.069	-	23.310.477.281	-	1.811.045.800	-	-	-	36.098.336.150	-
Số cuối kỳ	10.713.499.892	-	22.342.011.408	-	2.303.322.182	-	-	-	35.358.833.481	-
<i>Trong đó:</i>										
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-

Tài sản cố định hữu hình có nguyên giá và giá trị còn lại theo sổ sách lần lượt là 9.852.147.875 VND và 9.478.151.149 VND đã được thể chấp để đảm bảo cho khoản vay của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Trung Đô.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN Á CHÂU

Địa chỉ: Lô 32C Khu Công nghiệp Nam Cẩm, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I

Cho kỳ báo cáo kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**11. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

	Quyền Khai thác mỏ	Chứng nhận hệ thống QLCL (ISO)	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	1.102.562.919	31.818.182	1.134.381.101
Tăng trong kỳ	-	-	-
Giảm trong kỳ	-	-	-
Số cuối kỳ	1.102.562.919	31.818.182	1.134.381.101
<i>Trong đó:</i>			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	31.818.182	31.818.182
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	385.897.008	31.818.182	417.715.190
Tăng do khấu hao trong kỳ	13.782.036	-	13.782.036
Giảm trong kỳ	-	-	-
Số cuối kỳ	399.679.044	31.818.182	431.497.226
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	716.665.911	-	716.665.911
Số cuối kỳ	702.883.875	-	702.883.875
<i>Trong đó:</i>			
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong kỳ	Kết chuyển vào TSCĐ trong kỳ	Số cuối kỳ
Kho chứa vật liệu	112.045.818	-	-	112.045.818
Đường nội bộ mỏ đá Châu Hồng	1.963.024.545	-	-	1.963.024.545
Dự án mỏ đá Châu Hồng	1.863.636.364	-	-	1.863.636.364
Cộng	3.938.706.727	-	-	3.938.706.727

13. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí công cụ, dụng cụ	798.889.987	852.421.243
Chi phí sửa chữa	109.851.481	145.255.456
Chi phí trả trước dài hạn khác	29.346.328	31.362.690
Cộng	938.087.796	1.029.039.389

14. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vay ngắn hạn ngân hàng	11.271.811.000	9.372.540.080
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương - Chi nhánh Trung Đô	9.562.211.000	6.850.880.080
- Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Nghệ An	-	2.521.660.000
Vay dài hạn đến hạn trả	1.709.600.000	1.709.600.000

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN Á CHÂU

Địa chỉ: Lô 32C Khu Công nghiệp Nam Cẩm, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I

Cho kỳ báo cáo kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cộng	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>
	11.271.811.000		11.082.140.080
<i>Chi tiết số phát sinh về các khoản vay</i>			
	<u>Vay ngắn hạn ngân hàng</u>	<u>Vay dài hạn đến hạn trả</u>	<u>Cộng</u>
Số đầu năm	9.372.540.080	1.709.600.000	11.082.140.080
Số tiền vay phát sinh	11.272.990.000	-	11.272.990.000
Kết chuyển từ vay dài hạn	-	-	-
Số tiền vay đã trả	(11.165.118.238)	-	(11.165.118.238)
CLTG phát sinh trong thanh toán	(20.067.842)	-	(20.067.842)
CLTG đánh giá lại cuối quý	101.867.000	-	101.867.000
Số cuối kỳ	9.562.211.000	1.709.600.000	11.271.811.000

15. Phải trả người bán

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả cho nhà cung cấp trong nước	13.646.994.258	13.062.993.707
Phải trả cho nhà cung cấp nước ngoài	3.044.190	3.013.170
Cộng	13.650.038.448	13.066.006.877

16. Người mua trả tiền trước

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Khách hàng trong nước trả tiền trước	75.150.000	42.500.000
Khách hàng nước ngoài trả tiền trước	1.383.156.320	-
Cộng	1.458.306.320	42.500.000

17. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số phải nộp trong kỳ</u>	<u>Số đã nộp trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Thuế GTGT HH, DV mua vào	-	158.785.246	(158.785.246)	-
Thuế xuất khẩu	-	525.388.720	(525.388.720)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	88.567.741	84.897.962	(88.567.741)	84.897.962
Thuế thu nhập cá nhân	1.905.000	3.654.845	(728.000)	4.831.845
Thuế tài nguyên	57.877.785	143.867.925	(104.157.795)	97.587.915
Tiền thuê đất	-	-	-	-
Thuế môn bài	-	3.000.000	(3.000.000)	-
Phí môi trường	25.453.890	32.503.350	(46.232.670)	11.724.570
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	2.400.000	150.882.000	(153.282.000)	-
Cộng	176.204.416	1.102.980.048	(1.080.142.172)	199.042.292

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất như sau:

Bột đá bán trong nước	10%
Bột đá xuất khẩu	0%

Thuế xuất, nhập khẩu

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN Á CHÂU

Địa chỉ: Lô 32C Khu Công nghiệp Nam Cẩm, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I

Cho kỳ báo cáo kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	1.659.650.205	1.561.559.975
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	38.309.026	30.746.892
- Các khoản điều chỉnh tăng	47.957.002	30.746.892
Chi phí không hợp lệ	21.831.000	4.831.000
Thù lao HĐQT không trực tiếp điều hành	26.126.002	25.915.892
- Các khoản điều chỉnh giảm	(9.647.976)	-
Lãi Chênh lệch tỷ giá đánh giá lại tiền	(9.647.976)	-
Thu nhập chịu thuế	1.697.959.231	1.592.306.867
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	10%	10%
Thuế thu nhập doanh nghiệp dự tính phải nộp	169.795.923	159.230.687
Thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm 50%	(84.897.961)	(79.615.343)
Tổng thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	84.897.962	79.615.343

Thuế tài nguyên

Công ty nộp thuế tài nguyên cho hoạt động khai thác đá học trắng

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

18. Chi phí phải trả

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí lãi vay phải trả	53.702.977	57.045.631
Chi phí vận chuyển phục vụ bán hàng	934.704.546	180.781.818
Chi phí phải trả khác	56.675.725	47.935.035
Cộng	1.045.083.248	285.762.484

19. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Kinh phí công đoàn	15.172.410	-
Phải trả Tổng Công ty Hợp tác kinh tế	9.998.445	-
Phải trả khác	6.141.571	4.962.381
Cộng	31.312.426	4.962.381

20. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Chi tiết phát sinh quỹ khen thưởng trong năm như sau:

	Kỳ này	Năm trước
Số đầu năm	388.353.710	83.646.722
Tăng do trích lập từ lợi nhuận	500.000.000	976.806.988
Chi quỹ	(888.353.710)	(672.100.000)

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN Á CHÂU

Địa chỉ: Lô 32C Khu Công nghiệp Nam Cẩm, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I

Cho kỳ báo cáo kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Kỳ này</u>	<u>Năm trước</u>
Số cuối kỳ	-	388.353.710

21. Vay và nợ dài hạn

Là khoản vay ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Trung Đô để đầu tư xây dựng dây chuyền chế biến bột đá trắng siêu mịn trắng phủ, với lãi suất áp dụng theo thông báo lãi suất ưu đãi của VCB Trung Đô đối với Công ty Cổ phần Khoáng Sản Á Châu và được điều chỉnh 3 tháng/lần, thời hạn vay 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, số tiền vay được hoàn trả hàng quý. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay

Kỳ hạn thanh toán vay và nợ dài hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Từ 1 năm trở xuống	1.709.600.000	1.709.600.000
Trên 1 năm đến 5 năm	3.724.603.000	3.669.229.000
Trên 5 năm	-	-
Tổng nợ	5.434.203.000	5.378.829.000

Chi tiết số phát sinh về khoản vay dài hạn

	<u>Kỳ này</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	3.669.229.000	1.406.132.500
Số tiền vay phát sinh trong kỳ	-	5.755.295.000
Số tiền vay đã trả trong kỳ	-	(1.854.902.875)
CLTG phát sinh trong thanh toán	-	7.541.713
Kết chuyển sang nợ dài hạn đến hạn trả	-	(1.709.600.000)
CLTG đánh giá lại cuối kỳ	55.374.000	64.762.662
Số cuối kỳ	3.724.603.000	3.669.229.000

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN Á CHÂUĐịa chỉ: Lô 32C Khu Công nghiệp Nam Cẩm, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An
BẢO CAO TÀI CHÍNH QUÝ I

Cho kỳ báo cáo kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**22. Vốn chủ sở hữu****Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	28.500.000.000	5.422.990.218	1.542.266.621	9.768.069.884	45.233.326.723
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	9.515.791.200	9.515.791.200
Trích lập các quỹ trong năm trước	-	322.859.402	488.403.494	(1.788.069.884)	(976.806.988)
Chia cổ tức năm trước	-	-	-	(7.980.000.000)	(7.980.000.000)
Số dư cuối năm trước	28.500.000.000	5.745.849.620	2.030.670.115	9.515.791.200	45.792.310.935
Số dư đầu năm nay	28.500.000.000	5.745.849.620	2.030.670.115	9.515.791.200	45.792.310.935
Lợi nhuận trong kỳ này	-	-	-	1.574.752.243	1.574.752.243
Trích lập các quỹ trong kỳ này	-	-	-	(800.000.000)	(800.000.000)
Chia cổ tức kỳ này	-	-	-	-	-
Điều chỉnh theo TT200/2014/TT-BTC	-	2.030.670.115	(2.030.670.115)	-	-
Số dư cuối kỳ	28.500.000.000	7.776.519.735	-	10.290.543.443	46.567.063.178
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		Số cuối năm	Số đầu năm		
Vốn đầu tư của Nhà nước		11.400.000.000	11.400.000.000		
Vốn góp của các cổ đông khác		17.100.000.000	17.100.000.000		
Cộng	28.500.000.000	28.500.000.000	28.500.000.000		

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN Á CHÂU

Địa chỉ: Lô 32C Khu Công nghiệp Nam Cẩm, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I

Cho kỳ báo cáo kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**Cổ tức**

Cổ tức đã chi trả như sau:

	<u>Kỳ này</u>	<u>Năm trước</u>
Trả cổ tức năm trước	-	7.980.000.000
Cộng	-	7.980.000.000

Cổ phiếu

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	2.850.000	2.850.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	2.850.000	2.850.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	2.850.000	2.850.000
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	-	-
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	2.850.000	2.850.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	2.850.000	2.850.000
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**1. Doanh thu****Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<u>Quý I/2015</u>	<u>Quý I/2014</u>
Tổng doanh thu	33.264.862.168	25.148.766.158
- <i>Doanh thu bán hàng hóa</i>	4.671.774.181	191.937.546
- <i>Doanh thu bán thành phẩm</i>	28.593.087.987	24.956.828.612
Các khoản giảm trừ doanh thu:	(525.388.720)	(1.087.320.908)
- <i>Giảm giá hàng bán</i>	-	-
- <i>Thuế xuất khẩu</i>	(525.388.720)	(1.087.320.908)
Doanh thu thuần	32.739.473.448	24.061.445.250

Trong đó:

- <i>Doanh thu thuần bán hàng hóa</i>	4.671.774.181	191.937.546
- <i>Doanh thu thuần bán thành phẩm</i>	28.067.699.267	23.869.507.704

2. Giá vốn hàng bán

	<u>Quý I/2015</u>	<u>Quý I/2014</u>
Giá vốn của hàng hóa đã cung cấp	3.341.224.816	133.609.448
Giá vốn của thành phẩm đã cung cấp ⁽ⁱ⁾	14.942.608.885	12.118.703.078
Cộng	18.283.833.701	12.252.312.526

⁽ⁱ⁾ Giá vốn của thành phẩm đã cung cấp như sau:

	<u>Quý I/2015</u>	<u>Quý I/2014</u>
--	-------------------	-------------------

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN Á CHÂU

Địa chỉ: Lô 32C Khu Công nghiệp Nam Cẩm, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I

Cho kỳ báo cáo kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Quý I/2015</u>	<u>Quý I/2014</u>
Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp	12.046.982.610	7.485.850.059
Chi nhân công trực tiếp	3.117.080.654	1.954.826.646
Chi phí sản xuất chung	3.119.770.437	2.811.635.821
Giá vốn của thành phẩm đã cung cấp	18.283.833.701	12.252.312.526
3. Doanh thu hoạt động tài chính		
	<u>Quý I/2015</u>	<u>Quý I/2014</u>
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	4.731.885	6.602.979
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	-	110.683.626
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	20.257.125	33.516.294
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	-
Cộng	24.989.010	150.802.899
4. Chi phí tài chính		
	<u>Quý I/2015</u>	<u>Quý I/2014</u>
Chi phí lãi vay	151.443.771	70.086.851
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	78.199.336	12.694.944
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	147.624.044	-
Lãi chậm nộp BHXH, BHYT, BHTN	-	1.315.629
Cộng	377.267.151	84.097.424
5. Chi phí bán hàng		
	<u>Quý I/2015</u>	<u>Quý I/2014</u>
Chi phí nhân viên	71.890.000	37.920.000
Chi phí vật liệu, bao bì	257.941.174	168.459.520
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	487.034.366	289.060.450
Chi phí khấu hao TSCĐ	8.655.909	11.290.377
Chi phí dịch vụ mua ngoài	10.031.411.811	8.318.143.802
Chi phí bằng tiền khác	246.837.192	228.102.110
Cộng	11.103.770.452	9.052.976.259
6. Chi phí quản lý doanh nghiệp		
	<u>Quý I/2015</u>	<u>Quý I/2014</u>
Chi phí nhân viên quản lý	915.738.914	882.319.337
Chi phí vật liệu quản lý	78.478.690	61.307.566
Chi phí đồ dùng văn phòng	27.506.045	16.512.939
Chi phí khấu hao TSCĐ	61.420.566	33.075.712
Thuế, phí và lệ phí	6.460.000	3.000.000
Chi phí dự phòng	-	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	121.964.930	131.537.579
Chi phí bằng tiền khác	123.871.349	135.678.298
Cộng	1.335.440.494	1.263.431.431
7. Thu nhập khác		
Là các khoản công nợ không phải trả.		

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN Á CHÂU

Địa chỉ: Lô 32C Khu Công nghiệp Nam Cẩm, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I

Cho kỳ báo cáo kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**8. Chi phí khác**

	Quý I/2015	Quý I/2014
Xử lý công nợ nhỏ lẻ	455	-
Chi phí khác	4.500.000	4.831.000
Cộng	4.500.455	4.831.000

9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Quý I/2015	Quý I/2014
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	1.574.752.243	1.481.944.632
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	1.574.752.243	1.481.944.632
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	2.850.000	2.850.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	553	520

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ tính như sau:

	Kỳ này	Năm trước
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	2.850.000	2.850.000
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông mua lại	-	-
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành	-	-
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	2.850.000	2.850.000

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Giao dịch với các bên liên quan***Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan*

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	Quý I/2015	Quý I/2014
Tiền lương	286.957.218	273.752.759
Phụ cấp	89.121.718	87.202.216
Cộng	376.078.936	360.954.975

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Tổng Công ty Hợp tác Kinh tế	Công ty liên kết

Trong kỳ Công ty phát sinh giao dịch với Tổng Công ty Hợp tác Kinh tế như sau:

	Kỳ này
Chi phí BHXH, BHYT	9.998.445

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN Á CHÂU

Địa chỉ: Lô 32C Khu Công nghiệp Nam Cẩm, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I

Cho kỳ báo cáo kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tại ngày 31/03/2015, công nợ phải trả Tổng Công ty Hợp tác kinh tế là:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Các khoản phải trả, phải nộp khác	9.998.445	-
Công nợ phải trả	9.998.445	-

2. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo khu vực địa lý.

Khu vực địa lý

Hoạt động của Công ty được phân bố chủ yếu ở khu vực trong nước và nước ngoài.

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng của Công ty như sau:

	Trong nước	Xuất khẩu	Cộng
Kỳ này (Quý I/2015)			
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	21.738.000.083	11.001.473.365	32.739.473.448
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	21.738.000.083	11.001.473.365	32.739.473.448
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	2.228.064.612	1.623.057.532	3.851.122.144
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận			(1.834.693.343)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh			2.016.428.801
Doanh thu hoạt động tài chính			24.989.010
Chi phí tài chính			(377.267.151)
Thu nhập khác			-
Chi phí khác			(4.500.455)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành			(84.897.962)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại			-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp			1.574.752.243
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	-	-	(400.112.803)
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	-	-	(1.129.011.978)
Kỳ trước (Quý I/2014)			
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	13.276.838.712	10.784.606.538	24.061.445.250
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	13.276.838.712	10.784.606.538	24.061.445.250

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN Á CHÂU

Địa chỉ: Lô 32C Khu Công nghiệp Nam Cẩm, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I

Cho kỳ báo cáo kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Trong nước</u>	<u>Xuất khẩu</u>	<u>Cộng</u>
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	1.434.275.640	1.321.880.825	2.756.156.465
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận			(1.263.431.431)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh			1.492.725.034
Doanh thu hoạt động tài chính			150.802.899
Chi phí tài chính			(84.097.424)
Thu nhập khác			6.960.466
Chi phí khác			(4.831.000)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành			(79.615.343)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại			-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp			1.481.944.632
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	-	-	(8.221.850.000)
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	-	-	(1.034.607.739)

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng của Công ty như sau:

	<u>Trong nước</u>	<u>Xuất khẩu</u>	<u>Cộng</u>
Số cuối kỳ			
Tài sản trực tiếp của bộ phận	14.164.003.466	2.719.488.561	16.883.492.027
Tài sản phân bổ cho bộ phận	30.357.282.453	15.363.641.230	45.720.923.683
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận			17.163.089.724
Tổng tài sản			79.767.505.434
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	75.150.000	1.383.156.320	1.458.306.320
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	10.271.791.168	5.198.492.802	15.470.283.970
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận			16.271.851.966
Tổng nợ phải trả			33.200.442.256
Số đầu năm			
Tài sản trực tiếp của bộ phận	13.936.921.621	-	13.936.921.621
Tài sản phân bổ cho bộ phận	37.096.290.189	16.326.099.932	53.422.390.121
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận			11.044.484.262
Tổng tài sản			78.403.796.004
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	42.500.000	-	42.500.000
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	22.021.865.599	9.691.836.479	31.713.702.078
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận			855.282.991
Tổng nợ phải trả			32.611.485.069

Lĩnh vực kinh doanh

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN Á CHÂU

Địa chỉ: Lô 32C Khu Công nghiệp Nam Cẩm, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I

Cho kỳ báo cáo kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Hoạt động của Công ty chỉ nằm trong một lĩnh vực kinh doanh là sản xuất, mua bán sản phẩm bột đá trắng siêu mịn.

3. Quản lý rủi ro tài chính

Tổng quan

Hoạt động của Công ty phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Giám đốc chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập. Việc quản lý rủi ro được thực hiện chủ yếu bởi Phòng Kế toán – Tài chính theo các chính sách và các thủ tục đã được Giám đốc phê duyệt.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng, tiền gửi ngân hàng.

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, yêu cầu mở thư tín dụng hoặc có tài sản đảm bảo đối với các đơn vị giao dịch lần đầu hay chưa có thông tin về khả năng tài chính. Ngoài ra, nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi.

Khoản phải thu khách hàng của Công ty liên quan đến nhiều đơn vị và cá nhân nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là thấp.

Tiền gửi ngân hàng

Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và không có kỳ hạn của Công ty được gửi tại các ngân hàng có uy tín do vậy rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với các tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính (xem thuyết minh số VII.4 về giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính).

Bảng phân tích về thời gian quá hạn và giảm giá của các tài sản tài chính như sau:

	Chưa quá hạn hay chưa bị giảm giá	Đã quá hạn và/hoặc bị giảm giá	Cộng
Số cuối kỳ			
Tiền và các khoản tương đương tiền	8.795.195.407	-	8.795.195.407
Phải thu khách hàng	16.883.492.027	-	16.883.492.027
Các khoản phải thu khác	31.693.981	-	31.693.981
Cộng	25.710.381.415	-	25.710.381.415
Số đầu năm			
Tiền và các khoản tương đương tiền	7.146.535.931	-	7.146.535.931
Phải thu khách hàng	13.936.921.621	-	13.936.921.621
Các khoản phải thu khác	32.683.981	-	32.683.981
Cộng	21.116.141.533	-	21.116.141.533

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN Á CHÂU

Địa chỉ: Lô 32C Khu Công nghiệp Nam Cẩm, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I

Cho kỳ báo cáo kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua các biện pháp: thường xuyên theo dõi các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai để duy trì một lượng tiền cũng như các khoản vay ở mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động của luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính phi phái sinh dựa trên thời hạn thanh toán theo hợp đồng và chưa được chiết khấu như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Số cuối kỳ				
Vay và nợ	11.271.811.000	3.724.603.000	-	14.996.414.000
Phải trả người bán	13.650.038.448	-	-	13.650.038.448
Các khoản phải trả khác	1.076.395.674	-	-	1.076.395.674
Cộng	25.998.245.122	3.724.603.000	-	29.722.848.122
Số đầu năm				
Vay và nợ	11.082.140.080	3.669.229.000	-	14.751.369.080
Phải trả người bán	13.066.006.877	-	-	13.066.006.877
Các khoản phải trả khác	290.724.865	-	-	290.724.865
Cộng	24.438.871.822	3.669.229.000	-	28.108.100.822

Giám đốc cho rằng mức độ rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Công ty gồm: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro giá hàng hóa/nguyên vật liệu.

Các phân tích về độ nhạy, các đánh giá dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 03 năm 2015 và ngày 31 tháng 12 năm 2014 trên cơ sở giá trị nợ thuần. Mức thay đổi của tỷ giá, lãi suất, giá hàng hóa/nguyên vật liệu sử dụng để phân tích độ nhạy được dựa trên việc đánh giá khả năng có thể xảy ra trong vòng một năm tới với các điều kiện quan sát được của thị trường tại thời điểm hiện tại.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Công ty xuất khẩu sản phẩm với đồng tiền giao dịch chủ yếu là USD do vậy bị ảnh hưởng bởi sự biến động của tỷ giá hối đoái.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN Á CHÂU

Địa chỉ: Lô 32C Khu Công nghiệp Nam Cẩm, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I

Cho kỳ báo cáo kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Công ty quản lý rủi ro liên quan đến biến động của tỷ giá hối đoái bằng cách tối ưu thời hạn thanh toán các khoản nợ, dự báo tỷ giá ngoại tệ, duy trì hợp lý cơ cấu vay và nợ giữa ngoại tệ và VND, lựa chọn thời điểm mua và thanh toán các khoản ngoại tệ tại thời điểm tỷ giá thấp, sử dụng tối ưu nguồn tiền hiện có để cân bằng giữa rủi ro tỷ giá và rủi ro thanh khoản.

Tài sản/(Nợ phải trả) thuần có gốc ngoại tệ của Công ty như sau:

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền và các khoản tương đương tiền	70.776,71	1.888,43
Phải thu khách hàng	126.360,50	-
Vay và nợ	(694.600,00)	(690.284,00)
Phải trả người bán	(141,00)	(141,00)
Nợ phải trả thuần có gốc ngoại tệ	<u>(497.603,79)</u>	<u>(688.536,57)</u>

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2015, với giả định các biến số khác không thay đổi, nếu tỷ giá hối đoái giữa VND và USD tăng/giảm 2% thì lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu kỳ này của Công ty sẽ giảm/tăng 346.359.231 VND (năm trước giảm/tăng 279.566.504 VND) do ảnh hưởng của lỗ/lãi chênh lệch tỷ giá đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ của các công cụ tài chính.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi có kỳ hạn, các khoản vay có lãi suất thả nổi.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để đưa ra các quyết định hợp lý trong việc chọn thời điểm vay và kỳ hạn vay thích hợp nhằm có được các lãi suất có lợi nhất cũng như duy trì cơ cấu vay với lãi suất thả nổi và cố định phù hợp.

Các công cụ tài chính có lãi suất thả nổi của Công ty như sau:

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>VND</u>	<u>USD</u>	<u>VND</u>	<u>USD</u>
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	-	-	-	-
Vay và nợ	(14.996.414.000)	(694.600,00)	(14.751.369.080)	(690.284,00)
Nợ phải trả thuần	<u>(14.996.414.000)</u>	<u>(694.600,00)</u>	<u>(14.751.369.080)</u>	<u>(690.284,00)</u>

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2015, với giả định các biến số khác không thay đổi, nếu lãi suất các khoản vay có lãi suất thả nổi tăng/giảm 1% thì lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu kỳ này của Công ty sẽ giảm/tăng 149.964.140 VND (năm trước giảm/tăng 147.513.691 VND).

Rủi ro về giá hàng hóa/nguyên vật liệu

Công ty có rủi ro về sự biến động của giá hàng hóa/nguyên vật liệu. Công ty quản lý rủi ro về giá hàng hóa/nguyên vật liệu bằng cách theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường nhằm quản lý thời điểm mua hàng, kế hoạch sản xuất và mức hàng tồn kho một cách hợp lý.

Tài sản đảm bảo

Công ty không có tài sản tài chính thế chấp cho các đơn vị khác cũng như nhận tài sản thế chấp từ các đơn vị khác tại ngày 31 tháng 03 năm 2015 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2014.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN Á CHÂU

Địa chỉ: Lô 32C Khu Công nghiệp Nam Cẩm, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I

Cho kỳ báo cáo kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**4. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính****Tài sản tài chính**

	Giá trị ghi sổ				Giá trị hợp lý	
	Số cuối kỳ		Số đầu năm		Số cuối kỳ	Số đầu năm
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng		
Tiền và các khoản tương đương tiền	8.795.195.407	-	7.146.535.931	-	8.795.195.407	7.146.535.931
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	-	-	-	-	-	-
Phải thu khách hàng	16.883.492.027	-	13.936.921.621	-	16.883.492.027	13.936.921.621
Các khoản phải thu khác	31.693.981	-	32.683.981	-	31.693.981	32.683.981
Cộng	25.710.381.415	-	21.116.141.533	-	25.710.381.415	21.116.141.533

Nợ phải trả tài chính

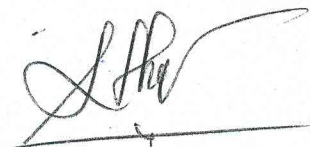
	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	Vay và nợ	14.996.414.000	14.751.369.080	14.996.414.000
Phải trả người bán	13.650.038.448	13.066.006.877	13.650.038.448	13.066.006.877
Các khoản phải trả khác	1.076.395.674	290.724.865	1.076.395.674	290.724.865
Cộng	29.722.848.122	28.108.100.822	29.722.848.122	28.108.100.822

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Công ty ước tính giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác, vay, phải trả người bán và các khoản phải trả ngắn hạn khác tương đương giá trị sổ sách (đã trừ dự phòng cho phần ước tính có khả năng không thu hồi được) của các khoản mục này do có kỳ ngắn hạn.

Lập, ngày 14 tháng 04 năm 2015

Người lập biểu

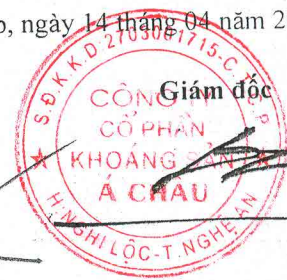


Lưu Thị Thu

Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Chương



Hoàng Trọng Diên